ACIAR in Vietnam

Australian Government
Australian Centre for International Agricultural Research

January | Tháng 1 | 2014
<aciar.gov.au>

Reception celebration for ACIAR's 20 years of collaboration in Vietnam held at the residence of the Australian Ambassador on 20th September 2013
Tiệc kỷ niệm 20 năm hợp tác tại Việt Nam của ACIAR, tổ chức tại nhà riêng Ngài Đại sứ Australia, ngày 20 tháng 9 năm 2013

News

ACIAR 20 years of partnership with Vietnamese farmers and scientists ***(p.2)***

General Vo Nguyen Giap: a strong supporter of Australia–Vietnam cooperation in agriculture ***(p.4)***

New cassava scoping study ***(p.5)***

Inception workshop of rice–shrimp project in Ca Mau ***(p.6)***

Changes of ACIAR staff ***(p.8)***

Project updates

5th regional aquafeed forum in Vung Tau ***(p.10)***

Moc Chau vegetables gaining a stronger foothold in Hanoi market ***(p.12)***

Mid-term review workshop of CLUES ***(p.14)***

PigRISK empirical surveys in Hung Yen and Nghe An ***(p.18)***

Seizing the opportunity — building capacity with local institutions ***(p.20)***

ACIAR fellowships

Departing John Allwright fellows ***(p.22)***

John Dillon memorial fellowship ***(p.23)***

Tin tức

ACIAR 20 năm đồng hành cùng các nhà khoa học và nông dân Việt Nam ***(p.3)***

Đại tướng Võ Nguyên Giáp: Người đỡ đầu cho hợp tác nông nghiệp Việt Nam – Australia ***(p.4)***

Nghiên cứu khả thi về cây sắn ***(p.5)***

Hội thảo khởi động dự án luân canh lúa–tôm tại Cà Mau ***(p.7)***

Thay đổi nhân sự ***(p.9)***

Cập nhật từ dự án

Diễn đàn khu vực lần thứ 5 về thức ăn thủy sản tại Vũng Tàu ***(p.11)***

Rau Mộc Châu có được vị trí lớn hơn tại thị trường Hà Nội ***(p.13)***

Hội thảo đánh giá giữa kỳ của dự án CLUES ***(p.15)***

Điều tra thực địa của dự án PigRISK tại Hưng Yên và Nghệ An ***(p.19)***

Nắm bắt cơ hội — Xây dựng năng lực cho các cơ quan đối tác địa phương ***(p.21)***

Học bổng ACIAR

Các học viên nhận học bổng John Allwright vừa lên đường ***(p.22)***

Chương trình học bổng JDF ***(p.23)***

ACIAR 20 years of partnership with Vietnamese farmers and scientists

What does beer have to do with tropical fruit production? How sweet is a local highlands plum? What is the optimum size of a Ha Long bay oyster? These are just some of the questions that research projects between Vietnam and Australia have been answered. This year marks 20 years of collaborative partnerships funded by the Australian Centre for International Agricultural Research (ACIAR). Over 115 projects mostly four years long, from the North West Mountains to the Mekong Delta, have been completed, building capacity of Vietnamese scientists and solving production problems to help farmers.

Where does your kitchen table come from? One of the most positive contributions and success stories is in the forestry sector. Continued improvements in research and varieties of plantation forestry species, mainly eucalypt and acacia, has seen rapid growth in Vietnamese forests that support a large domestic processing sector, assisting Vietnam to reduce it's reliance on imported timbers. Through Australian support, the Vietnam Academy of Forest Sciences is now a leading research centre in South-East Asia for tree-breeding. In fisheries, ACIAR continues to support oyster breeding techniques to allow small fisher folk to provide safe large oysters for the enjoyment of Vietnamese consumers. Other research with the Research Institutes for Aquaculture is providing basic science to increase sustainability and profitability of aquaculture feeds. Through sensory taste testing in markets in Hanoi, researchers under the Vietnamese Academy of Agricultural Sciences have identified plum varieties most likely to meet consumer demands and improve income for mountain farmers. And as for beer, it's a good thing Vietnamese enjoy bia hoi! Commercialised research between scientists, a pesticide distribution company and a brewery is using waste brewery yeast to develop a fruit fly control technique which allows local fruit to arrive in your market chemical free, ripe and tasty.

ACIAR's research model of long term partnerships between Australian and Vietnamese agricultural scientists has delivered broad benefits to rural development and safe food production for 20 years. The future looks positive for continued engagement in regional and global science research for improving regional food security and nutrition.

For more information see http://www.vietnam.embassy.gov.au

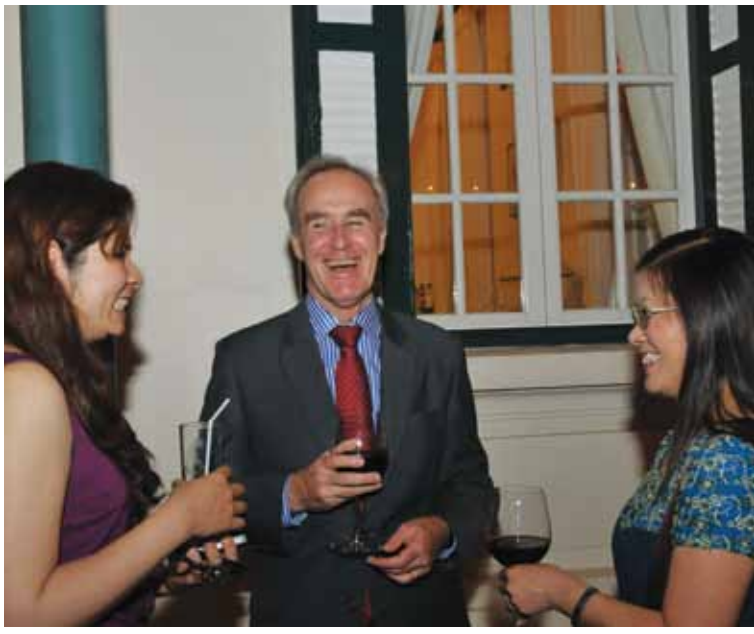

ACIAR

20 năm đồng hành cùng các nhà khoa học và nông dân Việt Nam

Bia có gì liên quan tới việc sản xuất hoa quả nhiệt đới? Mận vùng cao của Việt Nam ngọt thế nào? Con hàu ở Vịnh Hạ Long to đến cỡ nào? Đây chỉ là một số trong những câu hỏi mà những dự án nghiên cứu giữa Việt Nam và Australia đã trả lời. 2013 đánh dấu 20 năm quan hệ hợp tác của Trung tâm Nghiên cứu Nông nghiệp Quốc tế của Australia (ACIAR). Hơn 115 dự án, chủ yếu kéo dài 4 năm và trải dài từ vùng núi Tây Bắc tới Đồng bằng sông Cửu Long đã được hoàn thành và đã góp phần nâng cao năng lực cho các nhà khoa học Việt Nam cũng như giúp người nông dân giải quyết những vấn đề khó khăn trong sản xuất.

Chiếc bàn trong bếp của bạn được làm từ đâu? Một trong những đóng góp tích cực nhất và cũng là một trong những câu chuyện thành công đó là từ lĩnh vực lâm nghiệp. Những cải thiện liên tục trong nghiên cứu và sự đa dạng của các chủng loại rừng trồng, trong đó chủ yếu là cây bạch đàn và cây keo, đã mang lại sự tăng trưởng nhanh chóng cho rừng ở Việt Nam và điều này đã hỗ trợ ngành chế biến trong nước và giúp Việt Nam giảm phụ thuộc vào gỗ nhập khẩu. Nhờ sự giúp đỡ của ACIAR, Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam đã trở thành trung tâm nghiên cứu hàng đầu về giống cây rừng ở Đông Nam Á. Trong lĩnh vực thủy sản, ACIAR tiếp tục hỗ trợ các kỹ thuật nuôi hàu để giúp các hộ ngư dân nhỏ có thể cung cấp những con hàu cỡ lớn, an toàn cho người tiêu dùng Việt Nam. Một nghiên cứu khác với Viện nghiên cứu Nuôi trồng Thủy sản đang cung cấp khoa học cơ bản nhằm tăng cường sự bền vững và khả năng sinh lời của thức ăn thủy sản. Thông qua những thử nghiệm tại thị trường Hà Nội, các nhà nghiên cứu của Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam đã xác định được những chủng loại mận có nhiều khả năng đáp ứng nhiều nhất nhu cầu của người tiêu dùng và cải thiện thu nhập cho nông dân miền núi. Và đối với bia, việc người Việt yêu thích thưởng thức bia hơi là một điều tốt. Một nghiên cứu (đã được thương mại hóa) giữa các nhà khoa học, một công ty phân phối thuốc trừ sâu và một nhà máy bia đang sử dụng bã men bia để phát triển một công nghệ kiểm soát ruồi hại quả, nhờ đó mang lại những sản phẩm hoa quả chín, vị ngon mà không phải dùng hóa chất.

Mô hình nghiên cứu hợp tác dài hạn giữa các nhà khoa học nông nghiệp Australia và Việt Nam của ACIAR đã mang lại những lợi ích to lớn cho phát triển nông nghiệp và sản xuất thực phẩm an toàn của Việt Nam trong 20 năm qua. Tương lai của những hợp tác tiếp theo trong nghiên cứu khoa học cải thiện dinh dưỡng và an toàn thực phẩm khu vực là rất tích cực.

Để biết thêm thông tin, xem: http://www.vietnam.embassy.gov.au

General Vo Nguyen Giap
a strong supporter of Australia – Vietnam cooperation in agriculture

General Giap was a legendary leader of the Vietnamese forces who defeated the French at Dien Bien Phu, an instrumental battle that helped achieve independence from Colonial Rule. General Giap passed away in October 2013. This was a great loss for the Vietnamese people. With such deep respect and admiration, there have been many articles about his life and achievements in the last few months. However, not many people know he was the one who strongly supported the partnership in agriculture of Australia and Vietnam from the first days.

In 1992, ACIAR wanted to re-establish linkages with Vietnam but found it hard to find support from the Vietnamese government, who at the time were more interested in infrastructure and telecommunications. It was General Vo Nguyen Giap, the then Commissioner for Science, who helped the ACIAR program to get underway in the country.

Former ACIAR Director, Dr George Rothschild recalled that after an introduction to General Giap through a colleague, the General hosted a dinner, apparently on his birthday, and got all ministers, except the Prime Minister who was overseas, to attend. At the dinner General Giap said that Vietnam WILL have a program with Australia and that it should get underway within the next few months. And it did! A new program got underway without delay, and just a few months ago, the ACIAR program celebrated 20 years in Vietnam.

General Giap predicted that ACIAR would deliver benefits for Vietnamese farmers and be one of ACIAR's more successful programs. This prediction has been proved right. ACIAR has been seen as a reliable partner of Vietnamese farmers and scientists as well as the Vietnamese government over the past 20 years. The fruitful cooperation in agriculture between Australia and Vietnam once again demonstrates the vision of the legendary General.

Đại tướng Võ Nguyên Giáp
Người đỡ đầu cho hợp tác nông nghiệp Việt Nam – Australia

Vị Đại tướng huyền thoại của lực lượng quốc phòng Việt Nam, người đã lãnh đạo thành công và chiến thắng quân đội Pháp tại mặt trận Điện Biên Phủ, giành được độc lập khỏi sự cai trị của Thực dân. Tướng Giáp ra đi vào tháng 10 năm 2013, để lại nỗi tiếc thương vô hạn trong lòng nhân dân Việt Nam. Với lòng kính trọng và ngưỡng mộ sâu sắc, đã có rất nhiều bài viết về cuộc đời và sự nghiệp của Người trong thời gian qua. Tuy nhiên, ít ai biết được Tướng Giáp lại chính là người ủng hộ tích cực cho cho sự nghiệp hợp tác nông nghiệp của hai nước Việt Nam và Australia từ những ngày đầu tiên.

Năm 1992 Trung tâm Nghiên cứu Nông nghiệp Quốc tế Australia (ACIAR) có kế hoạch thiết lập trở lại các mối liên hệ với Việt Nam tuy nhiên gặp khó khăn trong việc tìm kiếm sự ủng hộ từ phía Chính phủ Việt Nam, lúc đó đang quan tâm tới lĩnh vực cơ sở hạ tầng và viễn thông. Chính Đại tướng Võ Nguyên Giáp, khi đó tham gia phụ trách lĩnh vực khoa học, đã là người hỗ trợ để Chương trình ACIAR được triển khai ở Việt Nam.

Tiến sĩ George Rothschild, nguyên Giám đốc ACIAR nhớ rằng ông được giới thiệu với Đại tướng qua một trường đại học, khi đó Đại tướng đã tổ chức một buổi tiệc tối, hình như đó là ngày sinh nhật ông, với sự tham dự của tất cả các vị bộ trưởng đương thời, trừ ngài Thủ tướng lúc đó đang trong chuyến công tác nước ngoài. Tại đây Đại tướng đã tuyên bố rằng Việt Nam sẽ có một chương trình hợp tác nông nghiệp với Australia và chương trình này cần phải được bắt đầu trong một vài tháng tới. Và thật tuyệt vời, tình hình đã diễn ra đúng như vậy! Chương trình ACIAR đã chính thức đi vào hoạt động từ năm 1993.

Đại tướng đã dự đoán rằng một trong những chương trình mà ACIAR sẽ thành công là mang lại những lợi ích cho người nông dân Việt Nam và điều này đã được thực tế chứng minh. Trong suốt 20 năm qua, ACIAR đã luôn được xem là đối tác tin cậy của bà con nông dân, các nhà khoa học cũng như của Chính phủ Việt Nam. Hợp tác hiệu quả trong lĩnh vực nông nghiệp giữa Australia và Việt Nam một lần nữa đã cho thấy tầm nhìn của vị Đại tướng huyền thoại của dân tộc Việt Nam.

Cassava starch processing near Hanoi, Vietnam - Neil Palmer (CIAT)
Xử lý tinh bột sắn gần Hà Nội, Việt Nam - Neil Palmer (CIAT)

New cassava scoping study

Nghiên cứu khả thi về cây sắn

CIAT (The International Centre for Tropical Agriculture) has recently been commissioned to conduct a scoping study on Cassava production and markets. The study is designed to review the cassava value-chains in Southeast Asia, with a primary focus on Vietnam and Indonesia, to gain a better understanding of the production, marketing, and processing systems, how they vary within these countries and across the region, and the likely research, development, extension, and policy requirements in the future. Subject to the outcomes of the scoping study, to be completed in 2014, ACIAR will review the appropriateness and need for funding a full project.

Cassava has become an increasingly important crop in Vietnam with significant expansion in area in recent years. The planting area has almost doubled from 1995 to reach 560,000ha in 2011. Production volume in 2011 reach 9,875,500 tons with an export value of cassava and cassava based products reaching US$960M. Continued good prices at the farm gate, driven by strong export demand, has seen farmers plant cassava over broader areas and plant successive crops. However there is concern over the sustainability of production as much of the cassava plantings are on sites vulnerable to soil erosion and nutrient depletion. There are also emerging issues with pests and diseases. This study seeks to understand the production areas and issues in Vietnam better, describe supply chains and the domestic processing situation and opportunities, and identify interventions to improve value-chain efficiency and outline their potential impacts. The study will propose research programs that improve the livelihoods of rural households through improved cassava production, marketing, and processing.

Further information contact Dr Rod Lefroy. CIAT ASIA Regional Representative r.lefroy@cgiar.org

CIAT (Trung tâm Nông nghiệp Nhiệt đới Quốc tế) gần đây đã được giao thực hiện một dự án nghiên cứu khả thi về hệ thống sản xuất và thị trường tiêu thụ của cây sắn. Nghiên cứu này nhằm đánh giá các chuỗi giá trị của cây sắn tại khu vực Đông Nam Á, tập trung chủ yếu ở Việt Nam và Indonesia với mục đích tìm hiểu rõ hơn về các hệ thống sản xuất, thị trường tiêu thụ cũng như hệ thống chế biến sắn; so sánh sự khác biệt giữa các nước với nhau và toàn khu vực, cũng như các nghiên cứu, dự án phát triển, khuyến nông và yêu cầu về chính sách liên quan có thể xây dựng trong tương lai. Dự kiến hoàn thành vào năm 2014, kết quả của nghiên cứu này sẽ được ACIAR đánh giá về sự thích hợp và cần thiết để tài trợ cho một dự án tổng thể.

Cây sắn đã ngày càng trở thành một loại cây quan trọng và được mở rộng diện tích đáng kể trong những năm gần đây ở Việt Nam. Diện tích trồng sắn đã tăng gần gấp đôi từ năm 1995 và lên tới 560.000 héc ta trong năm 2011. Sản lượng cùng năm đạt tới 9.875.500 tấn với giá trị xuất khẩu và các sản phẩm từ sắn lên đến 960 triệu USD. Do nhu cầu xuất khẩu sắn tăng mạnh, giá cả ổn định khiến người nông dân mở rộng diện tích và duy trì trồng sắn nhiều vụ liên tiếp. Tuy nhiên, vấn đề cần quan tâm là sản xuất bền vững cũng như hệ thống canh tác trên khu vực đất dễ bị xói mòn và rửa trôi chất dinh dưỡng. Ngoài ra sâu bệnh hại cũng đang trở thành một vấn đề nổi cộm. Nghiên cứu này sẽ tìm hiểu kỹ hơn về các khu vực trồng sắn và các vấn đề liên quan đến sản xuất sắn tại Việt Nam, mô tả các chuỗi cung ứng cũng như tình trạng chế biến và cơ hội phát triển của sắn, đồng thời xác định các phương pháp cải tiến hiệu quả chuỗi giá trị và đánh giá các tác động tiềm năng của các cải tiến này. Dự án sẽ đề xuất các chương trình nghiên cứu nhằm cải tiến kỹ thuật trồng sắn, tiếp cận thị trường và chế biến các sản phẩm từ sắn, cải thiện sinh kế cho các nông hộ nhỏ.

Để biết thêm thông tin xin vui lòng liên hệ TS Rod Lefroy, Đại diện CIAT Vùng Châu Á: r.lefroy@cgiar.org

Inception meeting held on 17th October 2013 at RIA2 Centre in Ca Mau
Hội thảo khởi động tổ chức tại Trung tâm NCNT thủy sản 2 – Cà Mau ngày 17/10/2013

Inception workshop of rice–shrimp project in Ca Mau

Rice and shrimp have been farmed in rotation in the Mekong Delta for 40 years. Rice is planted in the wet season when water salinity is low. Shrimp is farmed extensively and semi-intensively during the dry season when water salinity is too high to continue with rice production. Increasing salinity, as a result of changing environmental conditions and catchment-wide water management, has led to rice crop losses and reduced yields in the normally productive wet season. Shrimp yields have been affected by recurrent disease outbreaks exacerbated by stocking of poor-quality post-larvae and declining pond soil and water quality. These factors of the rice and shrimp enterprises represent only some of the potential risk factors that have made the system unsustainable. That is, continued farming in the current manner will likely result in periodic system failure resulting in loss of income, food and quality of the natural resources on farm and in the wider Mekong delta. Research is already underway to test redesigned rice–shrimp farming systems and new salt-resistant rice varieties, but the mechanisms underpinning the sustainability of rice–shrimp production systems are poorly understood.

The project "Improving the sustainability of rice-shrimp farming systems in the Mekong Delta, Vietnam" (SMCN/2010/083) aims to research the key factors, mechanisms and constraints that influence the productivity of new rice–shrimp farming systems. The research will enable scientifically-validated modifications to the farming system to increase profitability and ensure sustainable practices are promoted, particularly of new designs, in the Mekong Delta and ensure these systems can adapt to environmental change and understand its effect on pond soil and water quality. The project is funded with a total budget of A$1,519,566 and will be led by the University of New South Wales in collaboration with the Research Institute for Aquaculture 2.

An Inception workshop for the project was held on 17th October 2013 in Ca Mau, attended by the ACIAR Research Program Managers in Soil Management and Crop Nutrition and in Fisheries, ACIAR staff in Vietnam, representatives of MARD, leaders of DARD of three provinces, local extension officers and project farmers, coordinators from the lead institutes note above, and also the following partner institutes University of Charles Sturt, University of Griffith, researchers from Can Tho University, Cuu Long Rice Research Institute.

All participants of the workshop participated actively in the discussion on project's purposes and refining research activity plans, which showed the expectation of the local authorities and farmers in the region on the new model of sustainable development for the rice- shrimp production. Training workshops on Bayesian Belief Networks, a framework for implementing the research, were held in Ca Mau, Bac Lieu and Kien Giang. The project will help poverty reduction for the farmers in the Mekong Delta, and also address the mission of ACIAR's program in the developing country of Vietnam: To achieve more productive and sustainable agricultural systems for the benefit of developing countries and Australia through International agricultural research partnerships.

Group discussion on using the Bayesian Belief Network approach, during training held at the RIA2 Centre in Ca Mau
Thảo luận nhóm sử dụng cách tiếp cận BBN trong khóa đào tạo tại Trung tâm NCNT Thủy sản 2 tại Cà Mau

Hội thảo khởi động dự án luân canh lúa–tôm tại Cà Mau

Lúa và tôm đã được nuôi luân canh ở Đồng bằng sông Cửu Long hơn 40 năm qua. Lúa được trồng vào mùa mưa khi độ mặn trong nước thấp. Tôm thì được nuôi quảng canh và bán thâm canh trong mùa khô khi độ mặn của nước lên cao không thể tiếp tục trồng lúa. Việc tăng độ mặn là hậu quả của sự biến đổi điều kiện môi trường và việc quản lý nước của lưu vực, đã dẫn đến mùa vụ lúa tổn thất, giảm sút năng suất lúa hàng năm trong mùa mưa. Sản lượng tôm nuôi đã bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh bùng phát trầm trọng hơn do chất lượng con giống kém, hệ thống ao nuôi xuống cấp và ảnh hưởng của chất lượng nước. Các nhân tố này chỉ là một vài trong số các nhân tố rủi ro tiềm tàng dẫn tới sự thiếu bền vững của hệ thống. Tiếp tục canh tác theo cách thức này nhiều khả năng sẽ dẫn tới những thất bại mang tính chu kỳ của hệ thống và gây ra những tổn thất về thu nhập, lương thực và chất lượng các nguồn tài nguyên trên đồng ruộng và rộng hơn, là trong cả vùng đồng bằng sông Cửu Long. Các nghiên cứu thử nghiệm hệ thống canh tác tôm – lúa đã được thiết kế lại với các giống lúa chịu mặn mới đang tiến hành, nhưng các cơ chế làm nền tảng cho tính bền vững của mô hình tôm – lúa chưa được hiểu biết đầy đủ.

Dự án "Nâng cao tính bền vững của hệ thống canh tác tôm – lúa ở Đồng Bằng Sông Cửu Long, Việt Nam" (SMCN/2010/083) được thành lập nhằm nghiên cứu sâu hơn các yếu tố chủ yếu, các cơ chế và các trở ngại ảnh hưởng đến năng suất của hệ thống luân canh tôm – lúa. Nghiên cứu trong dự án này cho phép đưa ra những cải tiến một cách khoa học đối với việc nâng cao lợi nhuận đồng thời đảm bảo phổ biến mô hình nuôi bền vững ở đồng bằng sông Cửu Long và đảm bảo các hệ thống này có thể thích ứng với thay đổi môi trường và ảnh hưởng của nó lên nền đất ao nuôi và chất lượng nước. Với tổng kinh phí mà ACIAR dành cho dự án là A$1.519.566, dự án sẽ được thực hiện dưới sự hợp tác chỉ đạo của Trường Đại học NSW và Viện Nghiên cứu Nuôi trồng Thủy sản 2.

Ngày 17 tháng 10 năm 2013 tại Cà Mau đã diễn ra hội thảo khởi động của dự án này. Tới dự buổi hội thảo này có Giám đốc chương trình nghiên cứu quản lí đất và dinh dưỡng cây trồng và Giám đốc chương trình nghiên cứu thủy sản của ACIAR từ Canberra, đại diện của ACIAR tại Việt Nam, đại diện của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, các lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn cùng các cán bộ khuyến nông và nông dân của 3 tỉnh nơi diễn ra dự án, các chuyên gia dự án từ Trường Đại học Charles Sturt, Đại học Griffith, cán bộ dự án từ Trường Đại học Cần Thơ, viện Nghiên cứu lúa đồng bằng sông Cửu Long.

Các đại biểu và các thành viên tham gia dự án đều rất hào hứng thảo luận về mục tiêu và các kế hoạch hoạt động của dự án bởi đó là những mong muốn của các nhà quản lý cấp tỉnh cũng như bà con nông dân trong vùng về mô hình phát triển nghề nuôi tôm lúa bền vững mới. Các buổi hội thảo Bayesian Belief Networks giới thiệu về cấu trúc thực hiện nghiên cứu của dự án đã được diễn tại Cà Mau, Bạc Liêu và Kiên Giang. Thông qua đó, dự án sẽ giúp xóa đói giảm nghèo cho nông dân vùng Đồng bằng sông Cửu Long, đồng thời nói lên được sứ mệnh của các chương trình mà ACIAR thực hiện tại các quốc gia đang phát triển như Việt Nam: Xây dựng các hệ thống nông nghiệp bền vững hơn và năng xuất hơn đem lại lợi nhuận cho các quốc gia đang phát triển cũng như Australia thông qua các hợp tác nghiên cứu nông nghiệp Quốc tế.

2014 sees some changes in the ACIAR staff involved in Vietnam. In the Country Office, Ms Nguyen Thi Thanh An will return to the position of Assistant Country Manager after completing a Masters of Communication at the University of Queensland. Congratulations to An on attaining a Masters in Australia and welcome back. She can be contacted on mobile phone: +84904851466.

However sadly we say farewell to Ms Vu Thi Hai Hau, who has been acting in the position for the last 18 months. Hau has worked across the program and seen through the development and approval of many new projects and publications. We are grateful to have had the opportunity to work with Hau, and wish her well on her return to the Department of Immigration at the Embassy.

Dr Gamini Keerthisinghe, who held the position of research Program Manager, Soil Management and Crop Nutrition, and Regional Co-ordinator for Mekong Countries, has retired from ACIAR at the end of December. Gamini had a long association with Vietnam from when he earlier worked on the FAO Regional Program based in Bangkok. While working with ACIAR, Gamini provided regional oversight of the program, and was instrumental in establishing a large number of new projects. We wish Gamini all the best in his retirement.

Following an Independent Review of ACIAR, some changes in the organizational structure have occurred. In December Dr Peter Horne was appointed to the newly created position of General Manager, Country Programs. This role will have responsibilities for all bilateral programs and a key role in priority setting for each country program and balance priorities across countries. Peter was previously the Research Program Manager for Livestock Production Systems, and has been involved in Vietnam in this role, and both earlier when he was employed by CIAT on a tropical forages project. We look forward to welcoming Peter back to Vietnam in his new role during the year.

Năm 2014 chứng kiến những thay đổi về nhân sự trong chương trình hợp tác của ACIAR tại Việt Nam. Văn phòng ACIAR tại Hà Nội chào đón sự trở lại của Nguyễn Thị Thanh An với cương vị Trợ lí Trưởng Đại diện và chúc mừng An đã hoàn thành Khóa học Thạc sĩ Truyền thông tại trường Đại Học Queensland. Quý vị có thể liên lạc với An theo số điện thoại: 0904851466.

Chúng tôi cảm thấy rất buồn khi phải chia tay với Vũ Thị Hải Hậu, người đảm trách công việc thay An trong 18 tháng qua. Hậu đã tham dự vào các chương trình của ACIAR tại Việt Nam, nắm rõ quá trình phát triển đến qui trình phê duyệt của rất nhiều dự án mới cũng như thực hiện các ấn phẩm của ACIAR tại Việt Nam. Chúng tôi rất vinh dự đã có cơ hội làm việc với Hậu trong thời gian qua và chúng tôi chúc Hậu mạnh khỏe khi quay trở lại làm việc tại Phòng Nhập cư của Đại sứ quán.

TS Gamini Keerthisinghe, người giữ chức vụ Giám đốc Chương trình Nghiên cứu về Quản lí đất và Dinh dưỡng cây trồng, kiêm Điều phối viên Khu vực các Quốc gia vùng sông Mekong, đã chính thức rời cương vị để về nghỉ hưu cuối tháng 12 vừa qua. Ngay từ những ngày đầu còn làm việc cho Chương trình khu vực của Tổ chức FAO có trụ sở tại Bangkok, TS Gamini đã gắn bó và tạo tình hữu nghị lâu dài với Việt Nam cho tới nay. Trong thời gian làm việc tại ACIAR, ông đã phụ trách quản lí giám sát các dự án thuộc khu vực, và đã đóng góp đáng kể vào công cuộc thiết lập nhiều dự án mới. Chúng tôi xin chúc TS Gamini mọi điều tốt đẹp trong thời gian nghỉ dưỡng của mình.

Sau chương trình đánh giá độc lập của ACIAR, đã diễn ra một số thay đổi về cơ cấu tổ chức. Cũng trong tháng 12 vừa qua, TS Peter Horne đã được bổ nhiệm giữ chức vụ mới – Tổng Giám đốc Chương trình các Quốc gia. Vị trí mới này sẽ phụ trách toàn bộ các chương trình song phương và là vai trò chủ đạo trong việc đặt ra các ưu tiên cho chương trình của mỗi quốc gia cũng như tạo sự cân bằng của các ưu tiên này giữa các quốc gia với nhau. Trước khi nhận công việc này, Peter là Giám đốc Chương trình Nghiên cứu về Hệ thống Chăn nuôi, và đã tham gia nhiều vào chương trình tại Việt Nam kể cả trước kia khi ông còn làm việc ở tổ chức CIAT trong một dự án về giống cỏ nhiệt đới. Chúng tôi mong được chào đón Peter trở lại Việt Nam với cương vị mới vào năm nay.

Feeding trials for feeding specifications of Cobia at RIA 1
Thí nghiệm nuôi cá Giò nhằm xác định các thông số dinh dưỡng thức ăn tại Viện NCNT thủy sản 1

5th regional aquafeed forum *in* Vung Tau

For the fifth year in a row the Vietnamese Research Institutes for Aquaculture (RIA) and Nha Trang University hosted the Regional Aquafeed Forum (RAF). These forums have been held every year since 2009 with an objective to assist aquaculture nutritionists throughout the region, both from academia and industry, to better network, share findings and coordinate priorities. This year's forum was well attended by industry, university and institute scientists.

The forum was hosted on 6th – 7th December 2013 by RIA-2 at the National Breeding Center for Southern Marine Aquaculture in VungTau. The event was coordinated by Nguyen Van Tien from RIA-1 with assistance from Dr Vu Anh Tuan from RIA-2. ACIAR project (FIS/2006/141) leader Dr Brett Glencross from CSIRO in Australia chaired proceedings. As with each year, the event was sponsored by industry. This year the key sponsor was Evonik, with some support sponsorship from Behn Meyer.

About 60 participants attended hearing lectures from scientists throughout the region and from even as far away as Germany. Topics ranged from broad overviews on progress in areas like amino acid nutrition in shrimp and the development of alternative raw materials for feeds for Asian seabass, to the requirements for specific vitamins for key species and feed processing technology. At the end of day 2 a discussion forum was held to raise issues and identify directions. One of the key benefits of the RAF format has been its relatively small size, which has been useful in getting stronger engagement from participants in the dialogue. This engagement among the different stakeholders has proven very useful in helping to develop networks among the industry, university and institute scientist.

Dr David Smith visits the RIA 1 cage farm near Cat Ba island
TS David Smith thăm trại nuôi thủy sản lồng bè của Viện NCNT Thủy sản 1 gần đảo Cát Bà

For further information, please contact:
Dr Brett Glencross, CSIRO Food Future Flagship
Email: Brett.Glencross@csiro.au
Dr Nguyen Van Tien, Research Institute for Aquaculture No 1
Email: nvtien@ria1.org

The 5th Regional Aquafeed Forum in Vung Tau 6th December 2013
Diễn đàn Nuôi trồng thủy sản khu vực lần thứ 5, ngày 6 tháng 12 năm 2013 tại Vũng Tàu

Diễn đàn khu vực lần thứ 5 về thức ăn thủy sản tại Vũng Tàu

Trong 5 năm gần đây, các Viện nghiên cứu nuôi trồng thủy sản và Đại học Nha Trang đã lần lượt đăng cai tổ chức Diễn đàn khu vực về Thức ăn thủy sản (RAF). Diễn đàn này đã được tổ chức thường niên từ năm 2009 đến nay với mục đích hỗ trợ những người hoạt động trong lĩnh vực dinh dưỡng thức ăn thủy sản ở khu vực, từ các viện nghiên cứu, trường đại học đến những người làm trong ngành công nghiệp sản xuất thức ăn thủy sản, tạo nên sự gắn kết chặt chẽ trong mạng lưới, chia sẻ những nghiên cứu và xác định những ưu tiên trong nghiên cứu và sản xuất. Trong diễn đàn lần này, có nhiều đại biểu đại diện cho ngành công nghiệp sản xuất thức ăn thủy sản, các nhà khoa học từ các trường đại học và các viện nghiên cứu thủy sản tham dự.

Diễn đàn đã được tổ chức trong 2 ngày, 6 và 7 tháng 12 năm 2013 tại Trung tâm Quốc Gia giống Hải sản miền Nam thuộc Viện Nghiên cứu nuôi trồng thủy sản 2 tại thành phố Vũng Tàu. Diễn đàn được tổ chức với sự điều phối của TS Nguyễn Văn Tiến (Viện nghiên cứu nuôi trồng thủy sản 1) và sự cộng tác của TS Vũ Anh Tuấn (Viện nghiên cứu nuôi trồng thủy sản 2). Giám đốc dự án FIS/2006/141, TS Brett Glencross từ CSIRO, Úc chủ tọa diễn đàn. Diễn đàn thường niên này đã nhận được tài trợ từ các công ty trong lĩnh vực sản xuất thức ăn thủy sản. Công ty EVONIK là nhà tài trợ chính của dễn đàn năm nay, ngoài ra còn có một phần đóng góp của công ty Behn Mayer.

Khoảng 60 đại biểu đã tham dự, lắng nghe các bài trình bày của các nhà khoa học trong lĩnh vực thức ăn thủy sản đến từ khắp nơi trong khu vực, và thậm chí từ nước Đức xa xôi. Các lĩnh vực được trình bày bao gồm các vấn đề từ rất rộng cho đến rất cụ thể, từ amino acid cho thức ăn tôm, nghiên cứu các nguyên liệu thay thế bột cá dùng làm thức ăn cho cá Chẽm, cho đến xác định nhu cầu về vitamin và giới thiệu công nghệ ép đùn trong sản xuất thức ăn thủy sản. Cuối ngày thứ hai, diễn đàn đã thảo luận sôi nổi nhằm xác định các ưu tiên nghiên cứu theo hướng đáp ứng tốt hơn nhu cầu của thực tiễn sản xuất thức ăn thủy sản. Một trong những định hướng của diễn đàn này là tổ chức ở qui mô vừa phải, tạo thuận lợi cho tất cả các đại biểu tham gia chia sẻ ý kiến. Sự tham dự của các bên liên quan trong lĩnh vực nghiên cứu và sản xuất thức ăn đã góp phần tạo nên sự gắn kết chặt chẽ hơn giữa các cơ sở sản xuất thức ăn công nghiệp với các nhà khoa học từ các trường đại học các viện nghiên cứu thủy sản trong nước và khu vực.

Bài viết của TS Brett Glencross[1] và TS Nguyễn Văn Tiến[2]

[1] CSIRO Food Future Flagship

[2] Viện Nghiên cứu nuôi trồng thủy sản 1

Trial demonstration
Thí nghiệm trình diễn

Safe vegetable certificate issued by DARD-Son La
Chứng nhận rau an toàn bởi DARD Sơn La

Moc Chau vegetables gaining a stronger foothold in Hanoi market

By Dr Gordon Rogers[1], Nguyen Phi Hung[2], Jeroen Pasman[3]

Over the past summer, vegetable production in the three farmer groups in Moc Chau supported by the project "Improved market engagement for counter-seasonal vegetable producers in North West Vietnzam", has improved the quality and safety of vegetables for Hanoi consumers.

The quantity of vegetables including tomatoes, beans and cabbage sold by Moc Chau farmers to retailers in Hanoi has tripled from 60 tons last year to nearly 180 tons this year.

Forty three farmers from three villages have increased their production area from just four hectares last year to 18 hectares this season and diversified their assortment of crops to improve their overall market offer.

Farmers also made investments in their farms of which the adoption of basic net-covered greenhouses is the most significant. After returning from a study trip to Da Lat this year, they expanded from just three net houses last year to nine this year. This investment will enable farmers to grow higher value crops such as lettuces and broccoli during the lowland off season.

Farmers have been strongly supported by agronomists from the Northern Mountainous Agriculture and Forestry Science Institute (NOMAFSI), consulting firm Fresh Studio, Hanoi University of Agriculture and the Department of Agriculture and Rural Development in Son La and Moc Chau. These groups worked together offering technical support, organizing field days and market feedback sessions, and training farmers in record keeping and food safety regulations of Safe Vegetable Certification, VietGAP and METRO Requirement.

All farmers were visited once every two weeks by project extension staff. Farmer records were carefully checked and verified, and encoded into a database. At the end of each crop, all farmers received an individual report that summarized yield, expenses and profit for each crop performed. Throughout the season, several crop meetings were organized during which the farm performance of individual farmers is compared against each other and experience is shared. Some of these meetings were attended by retailers from Hanoi, which allowed the retailers to have direct input into which crops and varieties to grow. These meetings were noisy discussions as farmers debated and compared each others performance in a constructive and jovial manner.

On the marketing side, Fruit and Vegetable Research Institute (FAVRI), Centre of Agro-System Research and Development (CASRAD) and Fresh Studio helped farmers with supplying their vegetables to retail outlets in Hanoi such as Fivimart, METRO Cash & Carry Vietnam, and BigGreen. Farmers received support on record keeping, post-harvest handling, transportation and negotiation. As a result, confidence and commitments on both ends of the supply chain improved over time, and more customers are showing an interest in sourcing vegetables from Moc Chau during the off-season.

The success of this past season is another milestone in developing the vegetable sector in Moc Chau, which is only four hours away from Hanoi and offers a regional alternative for temperate vegetables during the summer months May to September.

[1] *Applied Horticultural Research, Australia*
[2] *Northern Mountainous Agriculture and Forestry Science Institute (NOMAFSI), Vietnam*
[3] *Fresh Studio, Vietnam*

For further information, please contact:
Dr Gordon Rogers
Email: gordon@ahr.com.au
Mr Nguyen Phi Hung
Email: hung_pfrc@yahoo.com

Upscaling protected structures
Mở rộng nhà lưới đơn giản

Feed back session between farmers and Fivimart
Hội nghị đánh giá giữa nông dân và siêu thị Fivimart

Rau Mộc Châu có được vị trí lớn hơn tại thị trường Hà Nội

Bài viết của TS Gordon Rogers[1], TS Nguyễn Phi Hùng[2], TS Jeroen Pasman[3]

Sau vụ hè vừa qua, sản xuất rau của 3 nhóm nông dân tại Mộc Châu được tài trợ bởi dự án "Cải thiện liên kết thị trường cho người sản xuất rau trái vụ vùng Tây Bắc Việt Nam" (Mã dự án: AGB/2009/053), đã góp phần tăng chất lượng và sự an toàn của rau cho người tiêu dùng Hà Nội.

Số lượng cà chua, đậu trạch và cải bắp do nông dân Mộc châu bán cho thương lái tại Hà Nội đã tăng lên gấp 3 lần, từ 60 tấn năng ngoái tới gần 180 tấn năm nay.

43 nông dân từ ba Bản đã mở rộng diện tích trồng rau của họ từ 4 ha năm ngoái lên 18 ha năm nay và tạo ra sự đa dạng các sản phẩm rau để tăng khả năng đáp ứng nhu cầu của hầu hết các thị trường tiêu thụ.

Nông dân cũng đã tự đầu tư vào đồng ruộng của họ trong đó việc đầu tư ứng dụng các nhà lưới đơn giản là rất đáng kể. Sau chuyến đi học tập tại Đà Lạt, nông dân đã mở rộng từ 3 nhà lưới năm ngoái đến 9 nhà lưới năm nay. Việc đầu tư này cho phép họ trồng các loại rau có giá trị cao hơn như xà lách, súp lơ trái vụ.

Nông dân đã được kỹ sư nông học từ Viện khoa học kỹ thuật Nông lâm nghiệp Miền núi phía Bắc, Fresh Studio, Trường đại học Nông nghiệp Hà Nội và của Chi cục và Trạm quản lý chất lượng Nông lâm sản và thủy sản tại Sơn La và tại Mộc Châu hỗ trợ trong nhiều hoạt động. Họ đã hỗ trợ về kỹ thuật, tổ chức hội nghị đầu bờ, các buổi thảo luận về thông tin thị trường và tập huấn nông dân trong việc ghi chép sổ sách và thực hiện các quy định về an toàn thực phẩm theo chứng nhận sản xuất rau an toàn, VietGAP và yêu cầu tiêu chuẩn an toàn của METRO.

Tất cả nông dân đều được cán bộ của dự án đến hướng dẫn 2 tuần 1 lần. Ghi chép sổ sách được kiểm tra, đánh giá cẩn thận và số liệu được nhập vào phần mềm. Sau mỗi loại cây trồng kết thúc thu hoạch, nông dân nhận được 1 báo cáo tóm tắt về năng suất, chi phí và lợi nhuận thu được cho cây trồng đó. Trong suốt vụ, một số buổi đánh giá cây trồng được tổ chức tại chỗ, kết quả mùa vụ từng loại cây của từng nông dân sẽ được so sánh với nhau và kinh nghiệm được chia sẻ. Một vài trong số các buổi đánh giá này có sự tham gia của thương lái từ Hà Nội và họ có thể được trực tiếp trao đổi, thông tin, đề xuất chủng loại và giống rau để trồng.

Về phía nhóm thị trường, Viện nghiên cứa rau quả (FAVRI), Trung tâm Nghiên cứu và phát triển Hệ thống nông nghiệp (CASRAD) và Fresh Studio đã giúp nông dân tiêu thụ sản phẩm rau của họ đến các siêu thị Fivimart, METRO Cash & Carry Vietnam, và Biggreen. Nông dân cũng nhận được sự giúp đỡ về việc ghi chép sổ sách, phương thức bảo quản sơ chế sau thu hoạch, vận chuyển và đàm phán. Kết quả là niềm tin và sự cam kết của cả nông dân và thương lái trong chuỗi cung ứng được cải thiện qua thời gian và ngày càng nhiều khách hàng tiềm năng quan tâm đến rau trái vụ Mộc Châu.

Sự thành công của vụ rau vừa qua là một bước đột phá khác trong việc phát triển ngành sản xuất rau Mộc châu nơi chỉ cách Hà Nội 4 giờ đi bằng ô tô và là một điểm nữa trong vùng có khả năng cung cấp rau ôn đới trái vụ trong những tháng mùa hè từ tháng 5 đến tháng 9.

[1] Trung tâm nghiên cứu cây trồng ứng dụng, Australia
[2] Viện khoa học kỹ thuật Nông lâm nghiệp miền núi phía Bắc (NOMAFSI), Việt Nam
[3] Fresh Studio, Việt Nam

The mid-term review workshop of CLUES on 19th September 2013 with more than 80 attendants
Hội thảo đánh giá giữa kỳ, dự án CLUES, ngày 19/9/2013 với hơn 80 đại biểu tham dự

Mid-term review workshop of CLUES

By Ngo Dang Phong, Vo Cong Thanh
with information and photos supported by Prof. Dr. Nguyen Thi Lang

The CLUES project successfully organised the Mid-term Review Workshop on the 18th and 19th of September 2013 with the presence of more than 80 scientists and local staff from Can Tho University (CTU), Cuu Long Delta Rice Research Institute (CLRRI), Southern Institute for Water Resources & Planning, Institute of Agricultural Sciences for Southern Vietnam, Department of Agriculture and Rural Development (DARD) of An Giang, Can Tho, Hau Giang and Bac Lieu provinces, International Rice Research Institute (IRRI) and International Water Management Institute, CSIRO and ACIAR. There was also the attendance of the reviewer who was invited by ACIAR, Assoc. Prof. Le Duc Ngoan, Director of the Centre for Climate Change Study in Central Vietnam and Dr. Gamini Keerthisinghe, Research Program Manager, Soil Management and Crop Nutrition, and Principal Regional Coordinator, Mekong Countries & China ACIAR, Australia.

Testing the germination of saline tolerant varieties in the lab of CLRRI
Thử nghiệm khả năng nẩy mầm của giống lúa chịu mặn trong phòng thí nghiệm của Viện Lúa ĐBSCL

On the first day of workshop at An Giang and CLRRI, Site Managers and local partners, An Giang DARD and GIZ Bac Lieu presented results of the project activities in the locality, followed by the visits to the CLUES experiments on field, greenhouse and laboratory in CLRRI. On the second day in the auditorium of the Agronomy Faculty, CTU, the workshop discussed the achievements after two years of the implementation and planning for the remaining years of all themes in CLUES.

One of the project activities that has brought the most benefit to farmers is the study on the submerged, drought and saline tolerant rice varieties in Theme 2 leaded by Prof. Nguyen Thi Lang (CLRRI). There are some outstanding achievements from the study:

More on page 16 >>

The participants of the MTR visiting the field experiment of CLUES on the promising cropping system of Rice-Upland crop at CLRRI
Đại biểu dự hội thảo đi thăm ruộng thí nghiệm của dự án về mô hình hệ thống canh tác có triển vọng Lúa– Màu tại Viện Lúa ĐBSCL

Hội thảo đánh giá giữa kỳ của dự án CLUES

Bài viết của TS Ngô Đằng Phong, Võ Công Thành, ảnh của GSTS Nguyễn Thị Lang

Dự án CLUES đã tổ chức thành công Hội thảo Đánh giá giữa kỳ vào ngày 18 và 19 tháng 9 năm 2013, với sự tham gia của hơn 80 nhà khoa học trong và ngoài nước, bao gồm trường ĐH Cần Thơ, Viện Lúa Đồng bằng sông Cửu Long (VLĐBSCL), Viện Quy Hoạch Thủy Lợi Miền Nam, Viện Khoa học Nông nghiệp Miền Nam, Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (SNN) các tỉnh An Giang, Hậu Giang, Bạc Liêu và thành phố Cần Thơ, Viện Nghiên cứu lúa Quốc tế (IRRI), Viện Quản lý nước Quốc tế, tổ chức CSIRO và ACIAR. Cùng tham dự có PGS.TS. Lê Đức Ngoan, Giám đốc Trung tâm Nghiên cứu Biến đổi khí hậu miền Trung, Việt Nam là thẩm định viên cho dự án CLUES được ACIAR mời và TS. Gamini Keerthisinghe, Quản lý Chương trình Nghiên Cứu về Dinh dưỡng cây trồng và Quản lý đất, và là Điều phối viên chính cấp vùng của ACIAR khu vực các nước sông Mekong và Trung Quốc.

Trong ngày thứ nhất của Hội thảo tổ chức tại An Giang và VLĐBSCL, các Trưởng điểm và các đối tác địa phương như Sở nông nghiệp An Giang, GIZ Bạc Liêu lần lượt trình bày các kết quả thực hiện của dự án tại địa phương. Sau đó các đại biểu đi tham quan khu thí nghiệm ngoài đồng, nhà lưới và phòng thí nghiệm của dự án CLUES tại VLĐBSCL.

Trong ngày thứ hai tại hội trường Khoa Nông Nghiệp - ĐH Cần Thơ, các đại biểu đã nghe báo cáo và thảo luận các kết quả đã đạt được trong hai năm qua và kế hoạch hoạt động sắp đến của các nhóm Hợp phần của dự án CLUES.

Một trong những hoạt động của dự án mang lợi ích nhiều nhất cho nông dân là các nghiên cứu về lai tạo và chọn giống lúa chịu ngập, hạn và mặn do nhóm Hợp phần 2 của GSTS Nguyễn Thị Lang (VLĐBSCL) thực hiện. Hoạt động này đã đạt được một số thành tựu nổi bật như sau:

- Gần 350 dòng lúa được sàng lọc qua 3 mùa khô liên tiếp trong điều kiện ngập ở các giai đoạn mạ và giai đoạn sinh trưởng; trong đó khoảng hơn 300 giống lúa địa phương (bao gồm 42 giống truyền thống, 200 giống cải tiến và 60 giống từ IRRI) đã được sàng lọc từ việc thử nghiệm lúa nẩy mầm trong điều kiện yếm khí; Các giống được gieo trong các khay nhựa lớn, sau đó các khay được đặt trong bể ngập sâu 30 cm đến 14 ngày. Kết quả cuối cùng đã chọn ra 11 giống có khả năng chịu ngập tốt ở giai đoạn nảy mầm là OM10252, OM10383, TLR396, TLR397, TLR458, TLR460, TLR461, TLR462, TLR463, TLR464, OM46L.

Xem tiếp trang 17 >>

>> Continued from page 14

A total 350 lines were screened over three consecutive dry seasons for their performance under submergence stress during seedling stage or during the vegetative phase. Three hundred local varieties, comprising 42 traditional varieties, 200 improved varieties and 60 IRRI varieties, were screened for tolerance to submergence during the anaerobic germination. Seeds were sown in large plastic trays, then they were placed under 30 cm water deep in a cement tank for 14 days. Eleven varieties with good tolerance to submergence in anaerobic germination stage have been selected such as OM10252, OM10383, TLR396, TLR397, TLR458, TLR460, TLR461, TLR462, TLR463, TLR464, OM46L.

Twenty seven lines were selected for salt tolerance, including OM5629, OM 6677, OM6707, OM 4900, OM10375 and OM10252

Over 49 participatory variety selection trials have been conducted with 41 promising rice varieties observed throughout the 4 target sites of CLUES in An Giang, Hau Giang, Bac Lieu provinces and Can Tho City.

It is estimate that by August 2013, the application of promising short-duration rice varieties which can grow in submerged and saline conditions has improved seasonal rice yield by 0.5 ton per hectare on average. There are 17,050 hectares of rice fields in the 4 provinces which stand to benefit from the application of this result from the project. While the rice price has been fluctuating between USD 200 to 250 per ton, the application of those promising rice varieties from the CLUES project is giving great benefits to farmers.

For further information, please contact:
Dr Ngo Dang Phong, CLUES Project Office
Email: phongngodang@gmail.com

Site Manager at Hau Giang Province presenting the results of activities of CLUES at the site
Trưởng điểm thí nghiệm tại Hậu Giang đang trình bày các hoạt động của CLUES tại điểm Hậu Giang

>> Tiếp theo trang 15

- 27 dòng lúa triển vọng được chọn cho giống chịu mặn, trong đó có OM5629, OM6677, OM6707, OM 4900, OM10375 và OM10252.

- Hơn 49 thử nghiệm chọn giống ngoài đồng có sự tham gia của nông dân được thực hiện với 41 giống lúa triển vọng tại 4 tỉnh trong dự án bao gồm An Giang, Hậu Giang, Bạc Liêu và thành phố Cần Thơ.

Ước tính đến tháng 8 năm 2013, việc áp dụng giống lúa mới ngắn ngày và có sức chống chịu ngập hay mặn cao của dự án CLUES đã bước đầu cải thiện năng suất lúa trung bình tăng lên khoảng 0,5 tấn/ha/vụ, và 17.050 ha diện tích trồng lúa ở các tỉnh được hưởng lợi từ nghiên cứu này của dự án. Khi giá lúa dao động từ USD 200-250 /tấn lúa thì việc áp dụng các giống lúa có triển vọng từ dự án CLUES đang mang lại lợi ích rất lớn cho nông dân.

Testing the submergence stress on rice at seedling stage in the green house of CLRRI
Thử nghiệm khả năng chịu ngập của lúa trong nhà lưới của Viện Lúa ĐBSCL

PigRISK empirical surveys in Hung Yen and Nghe An

Collecting data of possible actors in pig-pork value chains through production to distribution and consumption in study sites

By Nguyen Thi Duong Nga, Nguyen Thi Thu Huyen & Duong Nam Ha
Hanoi University of Agriculture

The study sites chosen for the PigRISK project (LPS/2010/047), Hung Yen and Nghe An are representative for two typical forms of pig value chains in Vietnam. They reflect two different levels of development as well as the cultural difference of the same commodity from production to consumption: Hung Yen is considered to be more developed in terms of production system and commercialization.

In response to the first objective[1] of this project, in July and August 2013, two empirical surveys were conducted in these provinces by a multi-disciplinary team of Hanoi University of Agriculture (HUA) and Hanoi School of Public Health (HSPH) including 15 researchers and enumerators of economics and veterinary medicine. The common purpose of the surveys was to collect primary data of different actors in these pig value chains such as input suppliers, producers, collectors, processors, abattoirs and consumers. Core questions of the survey focused on resources used for pig production, transport and slaughter system, related risks and diseases (knowledge and practices in terms of pig diseases and pork-borne diseases), pig consumption, food safety and marketing information.

Prior to this activity an in-depth survey workshop was held on the 19th-20th June in order to develop appropriate questionnaires to be used. Researchers and experts of all PigRISK partners (ILRI[2] , HUA, and HSPH) gathered in HUA for adopting example questionnaires from African cases (implemented by ILRI's colleagues) into the Vietnamese context and generating relevant questions based on their local experiences. Prepared questions were put to an extensive discussion of participants with different backgrounds. Subsequently, in the second day of the workshop, a pre-test survey was also carried out in Thu Sy commune (Hung Yen province) to examine and, later on, to revise prepared questionnaires.

Van Giang market in Văn Giang district, Hung Yen province
Chợ Văn Giang, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên

Regarding the surveys in both provinces of Hung Yen and Nghe An, 400 pig producing farmers and 400 pork consumers were selected as representatives of three different socio-economic regions which respectively were rural, semi-urban and urban. They were interviewed based on the above mentioned semi-structured questionnaires. Also, information related to 200 other value chain actors was accumulated through semi-structured interviews and in-depth interviews.

At the beginning of the surveys, the project faced many challenges with building trust with chain actors. Most of them are working in the local business environment where information among them is not very transparent, thus, the appearance of the research team was initially sensitive for them. "Are you officers to inspect our taxation?" or "I would quit this job if more tax issued, so you should only record a little"... were some responses of smallholder actors, particularly slaughterhouses, processors and retailers. Clarification of the surveys' objectives, therefore, was very important for the project to access good information from these actors.

Also, it seems that value chain actors in these two study sites are not concerned much about hygiene and food safety issues. From the production side, producers were not well aware of animal health and controlling diseases. Meanwhile, it is likely that pig slaughter and pork retailing were done mostly by smallholder butchers (abattoirs) without sufficiently hygienic equipment. Regarding pork consumption, while consumers perceived an emerging problem of food safety, it was hard for them to identify safe pork indicators. Additionally, it was rare but the project team suffered food poisoning once during a survey in Nghe An.

In general, these surveys were implemented successfully with good cooperation between the research team and local authorities and value chain actors in the study sites. By this activity, the first year's proposed milestones of this project have been progressed. This provides a strong base for the coming step of risk and economic assessment. Data from the surveys has been entered by the HUA team, and this will be utilized to estimate animal health (AH) constraints, costs of pig diseases at farm level and partly, to estimate costs of pork-borne diseases in consumers and other market actors along the pig-pork value chains.

[1] *The first objective is "To assess impacts of pork-borne diseases on human health and the livestock sector and identify critical points/opportunities for risk management".*

[2] *International Livestock Research Institute*

For further information, please contact:
Dr Lucy Lapar, ILRI
Email: l.lapar@cgiar.org
Dr Nguyen Viet Hung, Hanoi School of Public Health
Email: hung.nguyen@unibas.ch

Điều tra thực địa của dự án PigRISK tại Hưng Yên và Nghệ An

Thu thập thông tin về các tác nhân trong chuỗi giá trị lợn thịt – thịt lợn từ khâu sản xuất đến phân phối và tiêu dùng tại các điểm nghiên cứu

Bài viết của Nguyễn Thị Dương Nga, Nguyễn Thị Thu Huyền & Dương Nam Hà
Trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội

Nguyen Anh Duc (HUA's project member, in the right) is interviewing a kindergarten teacher in Duc Thang commune, Tien Lu district, Hung Yen province

Nguyễn Anh Đức (thành viên dự án từ trường ĐH Nông nghiệp Hà Nội, bên phải) đang phỏng vấn một cô giáo mầm non tại xã Đức Thắng, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên

Được lựa chọn là vùng nghiên cứu của Dự án Giảm thiểu rủi ro chuỗi giá trị thịt lợn (PigRISK - LPS/2010/047), Hưng Yên và Nghệ An đại diện cho hai hình thái điển hình của chuỗi giá trị thịt lợn ở Việt Nam. Hai tỉnh này thể hiện hai mức độ phát triển khác nhau cũng như sự khác biệt về văn hóa của cùng một ngành hàng từ sản xuất đến tiêu dùng, trong đó Hưng Yên được coi là phát triển hơn về hệ thống sản xuất và thương mại hóa.

Nhằm hoàn thành mục tiêu thứ nhất[1] của Dự án PigRISK, trong tháng 7 và tháng 8 năm 2013, nhóm nghiên cứu đa ngành của hai trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội (HUA) và Đại học Y tế công cộng Hà Nội (HSPH) gồm 15 nghiên cứu viên và điều tra viên đã tiến hành điều tra tại hai tỉnh nói trên. Cuộc điều tra này nhằm thu thập số liệu sơ cấp về các tác nhân khác nhau trong chuỗi giá trị ở hai tỉnh kể trên, từ người cung cấp đầu vào (thức ăn, thuốc thú y), người sản xuất, người thu gom, người chế biến, người giết mổ đến người tiêu dùng cuối cùng. Các câu hỏi tập trung vào tìm hiểu những nguồn lực được sử dụng trong chăn nuôi lợn, phương thức chăn nuôi, các rủi ro và bệnh có liên quan (kiến thức và thực hành về bệnh dịch trên lợn và các bệnh truyền nhiễm qua lợn), tiêu dùng thịt lợn, vệ sinh an toàn thực phẩm và thông tin tiếp thị (marketing).

Trước khi tiến hành hoạt động này, một hội thảo chuyên sâu đã được tổ chức trong hai ngày 19 và 20 tháng 6 năm 2013 nhằm hoàn thiện bộ câu hỏi điều tra. Các chuyên gia và nhà nghiên cứu từ tất cả các đối tác của dự án (ILRI[2] , HUA, and HSPH) đã tập trung tại trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội để thảo luận về bộ câu hỏi áp dụng từ nghiên cứu tại châu Phi (được thực hiện bởi ILRI) vào bối cảnh Việt Nam và thiết kế thêm các câu hỏi phù hợp với thực tế dựa trên những kinh nghiệm bản địa. Các bảng hỏi được thảo luận rộng rãi tại hội thảo với ý kiến của các chuyên gia đến từ nhiều lĩnh vực khác nhau. Vào ngày thứ hai của hội thảo, một cuộc điều tra thử đã được tiến hành tại xã Thủ Sỹ (Hưng Yên) nhằm kiểm tra và chỉnh sửa lại các bộ câu hỏi.

Liên quan đến cuộc điều tra ở hai tỉnh Hưng Yên và Nghệ An, 400 nông dân chăn nuôi lợn và 400 hộ tiêu dùng thịt lợn đã được lựa chọn đại diện cho ba vùng kinh tế xã hội khác nhau là nông thôn, cận đô thị và đô thị. Các tác nhân này được phỏng vấn với bảng hỏi bán cấu trúc nêu trên. Ngoài ra, thông tin liên quan đến 200 tác nhân khác trong chuỗi cũng được thu thập thông qua phỏng vấn bán cấu trúc và phỏng vấn sâu.

Khi bắt đầu các cuộc điều tra, dự án đã vấp phải nhiều khó khăn trong việc xây dựng niềm tin với các tác nhân trong chuỗi. Họ hầu hết tham gia vào môi trường kinh doanh ở địa phương vốn ít minh bạch về thông tin. Do đó, sự xuất hiện của nhóm nghiên cứu trở nên nhạy cảm với họ. "Các chú có phải là người của nhà nước đến để đánh thuế không đấy?" hay "Nếu đánh thuế nữa là tôi bỏ không bán lợn nữa đâu, cứ ghi chép nó ít ít thôi"… là những câu mà các tác nhân nhỏ như người giết mổ, chế biến và bán lẻ hay đưa ra với nhóm nghiên cứu. Vì vậy, việc làm rõ mục tiêu của cuộc điều tra là rất quan trọng để nhóm dự án tiếp cận các tác nhân này.

Bên cạnh đó, dường như các tác nhân trong chuỗi ở cả hai tỉnh đều không quan tâm nhiều đến vệ sinh an toàn thực phẩm. Từ phía chăn nuôi lợn, người nông dân không hiểu biết nhiều về thú y và quản lý dịch bệnh. Trong khi đó, dường như việc giết mổ và bán lẻ thịt lợn được thực hiện bởi những người giết mổ nhỏ (thợ ba-toa) với những dụng cụ không đủ vệ sinh. Còn về tiêu dùng thịt lợn, người tiêu dùng cũng có ý thức về vấn đề an toàn thực phẩm nhưng bản thân họ khó xác định được tiêu chí thịt lợn an toàn như thế nào. Bên cạnh đó, dù hiếm khi nhưng chính nhóm dự án cũng đã bị ngộ độc thực phẩm một lần khi đang điều tra ở Nghệ An.

Nói chung, cuộc điều tra kể trên đã được thực hiện thành công với sự hợp tác chặt chẽ giữa nhóm nghiên cứu, cán bộ địa phương và các tác nhân trong chuỗi tại các điểm nghiên cứu. Qua đó, các công việc đề xuất trong năm thứ nhất của Dự án đã cơ bản được hoàn thành. Điều này thiết lập một cơ sở vững chắc cho hoạt động tiếp theo nhằm phân tích kinh tế và rủi ro. Dữ liệu điều tra đã được nhập bởi nhóm nghiên cứu của trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội, và sẽ được sử dụng để ước lượng rủi ro dịch bệnh, chi phí dịch bệnh đối với nông hộ, và phần nào đó, để ước lượng các chi phí liên quan đến dịch bệnh lây nhiễm qua lợn đối với người tiêu dùng và các tác nhân khác trong chuỗi giá trị lợn thịt – thịt lợn.

[1] Mục tiêu thứ nhất của Dự án là "Đánh giá tác động của các bệnh lây truyền qua thịt lợn tới sức khỏe con người và ngành chăn nuôi, và xác định các điểm trọng yếu/ cơ hội để quản lý rủi ro".

[2] Viện nghiên cứu chăn nuôi quốc tế (ILRI)

Researchers and students from TBU are on their field visit to experimental site in Phieng Luong
Cán bộ nghiên cứu và sinh viên Trường ĐHTB trên đường đi thăm điểm thí nghiệm tại xã Phiêng Luông

Seizing the opportunity – building capacity with local institutions

By Oleg Nicetic

As project AGB/2008/002 "Improved market engagement for sustainable upland production systems in the North West Highlands of Vietnam", better known as NW Project, is coming to its end, it is time to reflect on the achievements and lessons learnt over the last four and a half years. While a more comprehensive project assessment will follow the final report in early 2014, in this newsletter we will tell a story about the development of a successful relationship between the North West Project and Tay Bac University (TBU) from Son La Province. This relationship resulted in some of the most important outcomes of the project including a well designed intensified production system with two crops in one rainy season, appropriate for cooler areas like Moc Chau; increased knowledge on soil erosion and means to control it and most importantly the knowledge development of university lecturers and students capacity to conduct participatory research in a trans-disciplinary and ethnically diverse context.

As often happens with success stories, achievements emerge more spontaneously than as a result of well planned actions. In our project, success resulted from a combination of good decisions by the project team and TBU management, enthusiasm and hard work of young lecturers and students from the university and a chance anonymous donation provided to the University of Queensland to be used for student bursaries in Vietnam.

Tay Bac University was not an official collaborative partner of the NW project but some funds were allocated to TBU as part of the Northern Mountainous Agriculture and Forestry Research Institute (NOMAFSI) budget. In the first year of the project TBU lecturers were part of the NOMAFSI research team and had a supportive role. During this time, it became apparent that to sustain project impacts in the North West, cooperation and capacity building with TBU staff and students was critical as this university is unique in that it largely educates students who come from the ethnic minorities of the north-west and who will return to those communities as graduates. The vision of the importance of TBU for the project and NW Vietnam was shared by the Australian and Vietnamese project leaders, in particular Dr Le Quoc Doanh and Dr Pham Thi Sen who together with Dr Doan Duc Lan - Rector of Tay Bac University, redefined the role of TBU and reallocated project funds, making TBU a major project partner in Moc Chau district. The young lecturers, Mr Nguyen Hoang Phuong and Mr Dang Van Cong seized these opportunities and became the driving force behind the research and learning processes, and made significant contributions to the project outcomes.

At the same time as the role of TBU in the project was increasing, student bursaries through a private donation allowed 2 masters and 8 undergraduate students to conduct research for their thesis as part of project activities. The success of these initial bursaries led to UQ and the project providing additional bursaries for 7 more students. TBU funded another 16 students which makes a total of 2 masters and 29 undergraduates being involved in project research. After graduation NOMASFI employed some of these graduates and they are providing a valuable contribution to ACIAR and other internationally and nationally funded projects.

Through practical learning supported with guest lectures and training courses provided by Australian and Vietnamese scientists, TBU staff and students extended their knowledge and skills in designing and implementing experiments to answer research questions and give practical recommendations to farmers and extension services. This is succinctly expressed by Mr Cong who stated: *"We listened to farmers' voices and all activities were designed to answer farmers' needs and wishes. This is a highly valuable approach that we would like to adopt in the future".*

Based on our experience, future projects in the North West should continue to involve staff and students from TBU by creating targeted and more comprehensive bursary schemes and capacity building activities such as guest lectures and workshops.

For further information, please contact:
Mr Oleg Nicetic, University of Queensland
Email: o.nicetic1@uq.edu.au
Dr Doan Duc Lan, Tay Bac University
Email: doanduclan@gmail.com

Australian scientists and students of TBU are evaluating pumkin growth in Phieng Luong
Cán bộ nghiên cứu Australia và sinh viên Trường ĐHTB cùng đánh giá sự sinh trưởng của bí tại Phiêng Luông

Researchers from TBU collect farmers' feedback in La Nga, Moc Chau
Cán bộ nghiên cứu từ Trường ĐHTB thu thập ý kiến phản hồi của nông dân tại La Ngà, Mộc Châu

Nắm bắt cơ hội – xây dựng năng lực cho các cơ quan đối tác địa phương

Bài viết của Oleg Nicetic

Dự án AGB/2008/002 "Cải thiện các hệ thống sản xuất nông nghiệp và liên kết thị trường nông sản ở vùng cao Tây Bắc Việt Nam" hay còn được biết đến với tên gọi khác là Dự án Tây Bắc đang sắp kết thúc. Đây chính là thời điểm thích hợp để nhìn lại các thành quả và các bài học kinh nghiệm trong suốt 4 năm rưỡi vừa qua của dự án.

Các đánh giá tổng kết toàn diện của dự án sẽ được trình bày trong Báo cáo hàng năm (2014), do đó trong bản tin này chúng tôi sẽ chia sẻ câu chuyện về quá trình xây dựng mối quan hệ hợp tác thành công giữa dự án Tây Bắc và Trường Đại Học Tây Bắc (ĐHTB) tại tỉnh Sơn La. Nhờ mối quan hệ hợp tác này, dự án đã gặt hái được một trong những thành quả quan trọng nhất đó là thiết kế được một hệ thống canh tác cây trồng thâm canh 2 vụ trong một năm tại các địa phương có khí hậu mát lạnh tương tự như tại Mộc Châu; đồng thời tăng hiểu biết về xói mòn đất và các biện pháp quản lý xói mòn. Thành quả quan trọng nhất chính là nâng cao hiểu biết và năng lực của đội ngũ giảng viên và sinh viên của trường khi tiến hành các nghiên cứu áp dụng phương pháp có sự tham gia theo hướng tiếp cận đa liên ngành trong điều kiện các dân tộc thiểu số khác nhau.

Tương tự như nhiều câu chuyện thành công khác, các thành quả đạt được trong dự án dựa trên sự linh hoạt và thực tế nhiều hơn là do các kế hoạch đã định sẵn. Trong dự án Tây Bắc, các thành quả đạt được là do tổng hòa của nhiều yếu tố như quyết định sáng suốt mà nhóm cán bộ dự án đưa ra và sự quản lý của Trường ĐHTB, sự nhiệt tình và nỗ lực của các giảng viên và sinh viên trẻ và sự đóng góp về mặt tài chính của một cá nhân dấu tên vào quỹ học bổng thông qua trường Đại Học Queensland để trao cho các sinh viên tại Việt Nam.

Đại Học Tây Bắc không phải là đối tác chính thức của Dự án Tây Bắc, tuy nhiên trong giai đoạn đầu, Trường đã nhận được một số kinh phí hoạt động nhất định thông qua ngân sách của Viện Khoa học kỹ thuật nông lâm nghiệp miền núi phía Bắc (NOMAFSI). Trong năm đầu tiên của dự án, các giảng viên đến từ ĐHTB cộng tác cùng nhóm nghiên cứu đến từ NOMAFSI và có vai trò hỗ trợ nhất định cho dự án. Trong khoảng thời gian này, dự án nhận thấy rằng để đảm bảo tính tác động bền vững tại Tây Bắc, chúng tôi phải xây dựng quan hệ hợp tác và xây dựng năng lực cho cán bộ ĐHTB và sinh viên nơi đây, do Trường có lợi thế đặc biệt, là nơi mà nhiều các em sinh viên dân tộc thiểu số tại khu vực Tây Bắc theo học và các em sẽ quay lại đóng góp cho địa phương của mình sau khi tốt nghiệp.

Chủ dự án phía Úc và phía Việt Nam đã cùng chia sẻ tầm nhìn về sự quan trọng của ĐHTB đặc biệt là TS Lê Quốc Doanh và TS Phạm Thị Sến cùng với TS Đoàn Đức Lân - Phó Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Bắc. Chúng tôi đã xác định lại vai trò của phía trường và phân bổ lại ngân sách, công bố ĐHTB là một đối tác chính của dự án tại Tây Bắc. Các giảng viên trẻ, anh Nguyễn Hoàng Phương và anh Đặng Văn Công đã nắm bắt cơ hội này và chủ động tham gia nghiên cứu và học hỏi do đó đã đem lại những đóng góp đáng kể cho kết quả dự án.

Trong khi vai trò của ĐHTB được củng cố, một quỹ học bổng thông qua quyên góp cá nhân đã được trao cho 2 giảng viên làm luận văn thạc sỹ và 8 sinh viên làm luận văn tốt nghiệp dựa vào các hoạt động của dự án. Từ sự thành công của các trường hợp nhận học bổng ban đầu, Đại Học Queensland và dự án đã trao thêm 7 suất học bổng cho các em sinh viên, và Trường ĐHTB đã trao học bổng cho 16 em sinh viên khác tại trường. Tổng cộng có 2 thạc sỹ và 29 sinh viên được tham gia vào các hoạt động nghiên cứu của dự án. Một số các em sinh viên sau khi tốt nghiệp đã về công tác tại NOMAFSI và đã đem lại nhiều đóng góp quý báu cho các dự án của ACIAR với viện, và các dự án quốc tế cũng như quốc gia khác.

Thông qua trau dồi từ thực tiễn và được hỗ trợ bởi các khóa tập huấn và các bài thỉnh giảng của các nhà khoa học phía Úc và Việt Nam, các cán bộ của Trường ĐHTB đã có cơ hội nâng cao hiểu biết, kiến thức và kỹ năng thiết kế và tiến hành thí nghiệm nhằm trả lời các câu hỏi nghiên cứu và đưa ra các giải pháp phù hợp với hoàn ảnh của nông dân và đội ngũ khuyến nông. Điều này được thể hiện ngắn gọn trong lời chia sẻ của anh Đặng Văn Công *"Chúng tôi lắng nghe ý kiến của nông dân và thiết kế các hoạt động nhằm đáp ứng nhu cầu và mong muốn của họ. Đây chính là một hướng tiếp cận quý báu mà chúng tôi sẽ áp dụng trong tương lai".*

Theo kinh nghiệm của chúng tôi, các dự án được triển khai tại khu vực Tây Bắc nên có sự tham gia của cán bộ và sinh viên trường ĐHTB thông qua các chương trình học bổng hỗ trợ toàn diện hơn và các hoạt động xây dựng năng lực như các hoạt động thỉnh giảng và hội thảo.

Australia Awards

Departing John Allwright Fellows

Congratulations to the four students who departed Vietnam to commence their study in Australia in August, October and December 2013

Name	University	Course	Project in Vietnam	Commencement Date	Completion Date
Le Son	Tasmania	PhD	FST/2008/007	26/08/2013	27/11/2017
Nguyen Viet Don	Tasmania	Master	LPS/2008/049	07/10/2013	17/02/2016
Nguyen Bao Ngoc	Tasmania	PhD	FST/2008/039	10/10/2013	04/03/2018
Cao Truong Giang	Sunshine Coast	PhD	FIS/2005/114	02/12/2013	02/03/2017

Chúc mừng 4 học viên dành học bổng John Allwright đã rời Viêt Nam trong thời gian tháng 8, 10 và 12 năm 2013 để bắt đầu học tập tại Australia.

Họ và tên	Trường	Khoá học	Dự án tại Việt Nam	Ngày bắt đầu khoá học	Ngày kết thúc khoá học
Lê Sơn	Tasmania	PhD	FST/2008/007	26/08/2013	27/11/2017
Nguyễn Viết Đôn	Tasmania	Master	LPS/2008/049	07/10/2013	17/02/2016
Nguyễn Bảo Ngọc	Tasmania	PhD	FST/2008/039	10/10/2013	04/03/2018
Cao Trường Giang	Sunshine Coast	PhD	FIS/2005/114	02/12/2013	02/03/2017

NEW JAFs

Applications for post-graduate study in Australia through ACIAR's John Allwright Fellowship program for the academic year 2014 closed on the 31st July 2013. The ACIAR Hanoi Office received a total of eleven applications and we are pleased to announce that four candidates have been short – listed. They are Nguyen Khai Hoan from the Vietnam Forestry University, Ho Le Phi Khanh – Hue University, Nguyen Phi Hung- NOFMASI and Luu Thi Ha Giang from the Research Aquaculture Institute (RIA1). Arrangements have been put in place for them to commence their English training course from 9th December 2013 - 4th May 2014. Subject to successful completion of this course and the required test, they will be eligible to take up the scholarship offer.

We wish them GOOD LUCK for the next IELTs test and beyond!

Nguyễn Khải Hoàn

Hồ Lê Phi Khanh

Thời hạn đăng ký xin học bổng sau Đại học tại Australia thông qua chương trình học bổng John Allwright của ACIAR cho năm học 2014 đã kết thúc ngày 31 tháng 7 năm 2013. Văn phòng ACIAR tại Hà Nội đã nhận được tổng số 11 đơn dự tuyển và chúng tôi vui mừng thông báo bốn ứng viên đã được nhận học bổng này. Đó là Nguyễn Khải Hoàn thuộc Trường Đại học Lâm Nghiệp Việt Nam, Hồ Lê Phi Khanh từ Đại học Lâm Nông Huế, Nguyễn Phi Hùng từ Viện Nông lâm Miền núi phía Bắc và Lưu Thị Hà Giang từ Viện nghiên cứu Nuôi trồng Thủy sản 1. Các ứng cử viên này đều đang học tiếng Anh từ ngày 9 tháng 12 năm 2013 đến 4 tháng 5 năm 2014. Họ sẽ lên đường sang học tập ở Australia sau khi hoàn thành khóa học và vượt qua được kỳ kiểm tra tiếng Anh theo yêu cầu.

Chúng tôi chúc cho bốn ứng cử viên may mắn trong kỳ kiểm tra tiếng Anh và đáp ứng được tất cả các yêu cầu của chương trình học bổng.

Nguyễn Phi Hùng

Lưu Thị Hà Giang

JOHN DILLON MEMORIAL FELLOWSHIP

We are delighted to announce that Dr Nguyen Viet Hung, from the Hanoi School of Public Health, (Vietnam co-ordinator for LPS/2010/047 PigRISK Project) was selected to visit Australia from 9th February – 23rd March 2014 to take up this prestigious fellowship. A total of thirteen Vietnamese fellows have now been selected for this program. Each year only about 10–12 fellows from all the countries ACIAR works in are selected. The program includes a leadership and management course in Melbourne, followed by targeted visits to institutions related to their field of work and a week in ACIAR headquarters in Canberra.

ACIAR Vietnam Office wishes Dr. Hung an enjoyable and successful visit to Australia, and hopes the program provides many ideas and opportunities to help Dr Hung in his future work in Vietnam.

Chúng tôi vui mừng thông báo TS Nguyễn Việt Hùng (Trường Đại học Y tế Công cộng) đã được lựa chọn và mời sang Australia từ ngày 9 tháng 2 đến 23 tháng 3 năm 2014 để tham dự một chương trình tập huấn rất uy tín về lãnh đạo và quản lý nghiên cứu. Đến nay đã có 13 người Việt Nam được lựa chọn tham gia chương trình này. Mỗi năm chỉ có từ 10 đến 12 ứng cử viên đến từ tất cả các quốc gia đối tác của ACIAR trên toàn cầu nhận được học bổng này. Chương trình bao gồm một khóa học về lãnh đạo và quản lý tại Melbourne, sau đó là các chuyến thăm tới các cơ quan có liên quan đến lĩnh vực chuyên môn của họ và một tuần tại trụ sở của ACIAR ở Canberra.

ACIAR Việt Nam chúc TS Hùng sẽ có nhiều trải nghiệm thú vị và thành công trong chuyến thăm Australia sắp tới. Chúng tôi hi vọng rằng những kiến thức mà anh thu hoạch được trong khóa học này sẽ hữu ích cho công việc sau này của anh ở Việt Nam.

Reception celebration for ACIAR's 20 years of collaboration in Vietnam held at the residence of the Australian Ambassador on 20th September 2013
Tiệc kỷ niệm 20 năm hợp tác tại Việt Nam của ACIAR, tổ chức tại nhà riêng Ngài Đại sứ Australia, ngày 20 tháng 9 năm 2013

ACIAR

Research that works for developing countries and Australia

aciar.gov.au

8 Dao Tan Street, Ba Dinh, Hanoi • Tel: (84 4) 3 7740 100 • Fax: (84 4) 3 813 7707
Web: aciar.gov.au / vietnam.embassy.gov.au